

Số: /GPMT-UBND Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 1370/BQLDDCN-ĐHDA3 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 433/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 6 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng, địa chỉ tại Số 30 Lý Tự Trọng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh”, tại phường Hưng Đạo và phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Hưng Đạo và phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

1.3. Hồ sơ pháp nhân:

- Quyết định số 4912/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh.

- Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng.

1.4. Mã số thuế: 0202277815

1.5. Loại hình hoạt động: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích: 113.336,47m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh: 27.192,63m<sup>2</sup> (trong đó: Đất nhà ở liền kề 10.283,04m<sup>2</sup>; Đất cây xanh sử dụng công cộng 1.018,93m<sup>2</sup>; Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác 2.347,20m<sup>2</sup>; Đất giao thông 13.543,46m<sup>2</sup> (theo Công văn số 976/UBND-KTHT&ĐT ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Dương Kinh về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh tại phường Dương Kinh)).

+ Khu tái định cư trên địa bàn phường Hưng Đạo: 86.143,84m<sup>2</sup> (trong đó: Đất nhà ở liền kề 17.265,66m<sup>2</sup>; Đất thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở 6.632,54m<sup>2</sup>; Đất cây xanh sử dụng công cộng 22.906,41m<sup>2</sup>; Đất cây xanh chuyên dụng 3.098,02m<sup>2</sup>; Đất giao thông 36.241,21m<sup>2</sup> (theo Công văn số 1729/UBND-KTHT&ĐT ngày 02/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo về việc diện tích, cơ cấu sử dụng đất khu đất tái định cư phường Hưng Đạo thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh)).

- Nhóm dự án: Dự án đầu tư tương đương dự án Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Các hạng mục công trình đã xây dựng của Dự án: (1) san lấp mặt bằng; (2) xây dựng đường giao thông và cây xanh; (3) hệ thống thu gom, thoát nước mưa; (4) hệ thống thu gom, thoát nước thải; (5) hệ thống cấp điện, trạm biến áp và chiếu sáng; (6) hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy; (7) hệ thống thông tin liên lạc; (8) 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 135m<sup>3</sup>/ngày đêm tại khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh.

+ Khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh: tổng dân số là 492 người (theo Công văn số 976/UBND-KTHT&ĐT ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Dương Kinh về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh tại phường Dương Kinh).

+ Khu tái định cư trên địa bàn phường Hưng Đạo: tổng dân số là 936 người (theo Công văn số 1729/UBND-KTHT&ĐT ngày 02/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo về việc diện tích, cơ cấu sử dụng đất khu đất tái định cư phường Hưng Đạo thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh).

+ Tổng mức đầu tư: 328.267.919.000 đồng (theo Quyết định số 4912/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

## **3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:**

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ... tháng ... năm 2036).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các phường: Dương Kinh, Hưng Đạo;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai Giấy phép môi trường);
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải thuộc đối tượng cấp phép:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 492 người dân được bố trí tái định cư tại 123 lô đất nhà ở liền kề tại Khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh.

- Nguồn phát sinh nước thải không thuộc đối tượng cấp phép:

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động của các hộ dân trong khu tái định cư tại phường Hưng Đạo.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động của khu thương mại dịch vụ trong khu tái định cư tại phường Hưng Đạo.

Nguồn số 02 và 03 không xả trực tiếp ra môi trường mà được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – Bùi Viện và các dự án khác trên địa bàn quận Dương Kinh, công suất xử lý 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng làm chủ đầu tư và đã được chấp nhận đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại văn bản số 353/BQL-KT ngày 03/4/2026.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: chảy vào hệ thống thoát nước chung trên đường Đại Thắng, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung đường Phạm Văn Đồng rồi chảy vào sông Riêng thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ (theo Văn bản số 726/CCTNNPCTT-TL ngày 11/5/2026 của Chi cục Quản lý Tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai).

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Miệng ống xả thải vào hệ thống thoát nước chung trên đường Đại Thắng khu vực thuộc địa bàn phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2297937; Y(m) = 602041 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 135m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung công suất 135m<sup>3</sup>/ngày đêm được bơm cưỡng bức theo đường ống HDPE D250 dài 89 m sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường Đại Thắng, sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước trên đường Phạm Văn Đồng rồi ra sông Riêng theo phương thức xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (hoạt động theo chế độ van phao của bơm nước thải).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B, Bảng 1, F<2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/ND-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/ND-CP
2	BOD5 (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤ 40		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/l	≤ 8		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000		
9	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 phát sinh ở khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào tuyến cống thu gom nước thải có kích thước D250 về trạm xử lý tập trung công suất 135 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02 và 03 không thuộc phạm vi cấp phép với mạng lưới thu gom và đầu nối như sau:

+ Mạng lưới thu gom: Nước thải từ hoạt động của các hộ dân trong khu tái định cư tại phường Hưng Đạo (nguồn số 02) và Nước thải từ hoạt động của khu thương mại dịch vụ trong khu tái định cư tại phường Hưng Đạo (nguồn số 03) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào tuyến cống thu gom nước thải có kích thước D300 và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – Bùi Viện và các dự án khác trên địa bàn quận Dương Kinh, công suất xử lý 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hình thức đầu nối: Tự chảy

+ Lưu lượng nước thải lớn nhất: 200,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Chất lượng nước đầu nối: Không yêu cầu.

+ Vị trí đầu nối nước thải: Gồm 03 điểm đầu nối thuộc địa bàn phường Hưng Đạo có tọa độ như sau:

Điểm đầu nối số 01: X(m) = 2301511; Y(m) = 596951.

Điểm đầu nối số 02: X(m) = 2301487; Y(m) = 597243.

Điểm đầu nối số 03: X(m) = 2301444; Y(m) = 597254.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư trên địa bàn phường Dương Kinh, công suất 135 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung trên đường Đại Thắng → Hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng → sông Riêng. Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Javen, mật rỉ đường, NaOH (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A mục lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ đã được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã được xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống công nghệ, máy móc, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa khắc phục sự cố, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh được lưu giữ tạm thời tại các bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể không còn khả năng lưu chứa thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể đi xử lý theo quy định hoặc tạm dừng hoạt động phát sinh chất thải để khắc phục sự cố, không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường; tuyệt đối không xả nước thải xử lý chưa đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 1,  $F \leq 2.000$ ) ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án đi vào vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Phường Dương Kinh, công suất 135m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra).

- Tổ chức vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026*), thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng các quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung gồm: lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Thực hiện chuyển giao bùn thải cho đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

3.4. Vận hành thử nghiệm 01 trạm xử lý nước thải, công suất 135 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.5. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.6. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục 2

### **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn: Do việc vận hành thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 2.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA):

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ
Khu vực B	55	50	45
QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn			

##### 2.2. Độ rung (đơn vị dB):

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ
Khu vực B	65	60
QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung		

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

##### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

### Phụ lục 3

## **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

#### **1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 23 kg/năm (khu tái định cư Dương Kinh do có hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 135 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh: Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 22.650 kg/năm (trong đó: Khu tái định cư Dương Kinh phát sinh khoảng 15.650 kg/năm; Khu tái định cư Hưng Đạo phát sinh khoảng 7.000 kg/năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 9.839 kg/ngày (trong đó: Khu tái định cư Dương Kinh phát sinh khoảng 690 kg/ngày; Khu tái định cư Hưng Đạo phát sinh khoảng 9.149 kg/ngày).

1.4. Khối lượng chất thải thông thường phải kiểm soát: Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 145 kg/năm (khu tái định cư Dương Kinh do có hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 135 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

#### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Kho lưu chứa: 01 kho tại Khu tái định cư Dương Kinh với diện tích kho khoảng 5 m<sup>2</sup>/kho.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa, chất thải rắn thông thường

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Mỗi khu tái định cư bố trí 01 khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt cồng kềnh; diện tích khoảng 100 m<sup>2</sup>/khu.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## Phụ lục 4

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Không có

#### D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 29 tháng 01 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành, đảm bảo việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

5. Chủ Dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

6. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

---